

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2023/DS-PT

Ngày 17-3-2023

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ND

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Mai Hương

Ông Nguyễn Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Xuân Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ND tham gia phiên tòa:

Bà Đặng Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh ND xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 72/2022/TLPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do bản án dân sự số 08/2022/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện VB, tỉnh ND bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam (PVcomBank); địa chỉ: Số 22 Ngô Quyền, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Đình Lâm; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- *Người được ủy quyền:* Ông Mai Xuân T; chức vụ: Giám đốc Khối Quản lý và tái cấu trúc tài sản.

- *Người được ủy quyền lại:*

1. Ông Nguyễn Chính Hoàng; chức vụ: Giám đốc khách hàng cá nhân-Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản PvcomBank.

2. Ông Trần Thành Quang; chức vụ: Chuyên gia tổ tụng- Phòng quản lý khách hàng cá nhân KV Miền Bắc- Khối quản lý và tài cấu trúc tài sản PVcomBank.

3. Ông Nguyễn Quốc Tuấn và ông Trần Hoàng Quân; chức vụ: Chuyên gia hỗ trợ nghiệp vụ -Phòng quản lý khách hàng cá nhân KV Miền Bắc- Khối quản lý và tài cấu trúc tài sản PVcom bank.

Theo giấy ủy quyền số 2309/UQ-PVB ngày 29-11-2022.

- *Bị đơn*: 1. Anh Trần Văn T; sinh năm 1969;

2. Chị Trần Thị P; sinh năm 1980;

Đều cư trú: Xóm 3, xã KT, huyện VB, tỉnh ND.

- *Người kháng cáo*: Anh Trần Văn T là bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Quang, anh T. Những người tham gia tố tụng khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam (PVcomBank) trình bày:

Anh Trần Văn T và chị Trần Thị P vay vốn tại PVcombank tổng số tiền 400.000.000đồng bằng hợp đồng cho vay số 194/2018-CN/HĐTD/PVB-PGDTN ký ngày 28-5-2018 và hợp đồng hạn mức cho vay số 096/2019-CN/HĐTD/PVB-PGDTN ký ngày 26-3-2019 cụ thể như sau:

1. Hợp đồng cho vay số 194/2018-CN/HĐTD/PVB-PGDTN ký ngày 28-5-2018 (viết tắt là hợp đồng số 194); số tiền vay: 250.000.000 đồng; mục đích: Vay tiêu dùng; thời hạn vay: 84 tháng kể từ ngày giải ngân; lãi suất trong hạn: Từ ngày 29-5-2018 đến ngày 28-5-2019 bằng 8,99%/năm; từ ngày 29-5-2019 lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/ lần, bằng: LSCS + 4,5%/năm (Lãi suất cơ sở hiện tại: là lãi suất tiền gửi “Tiết kiệm Đại Chúng”, kỳ hạn 13 tháng, lĩnh lãi cuối kỳ theo biểu lãi suất tiền gửi đối với Khách hàng cá nhân của Ngân hàng niêm yết từng thời kỳ); lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn. Phí, phí phạt: theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng (HĐTD) và kế ước nhận nợ (KUNN) kèm theo.

Phương thức trả nợ: Kỳ trả nợ gốc lãi đầu tiên vào ngày 25-6-2018.

+ Trả nợ gốc: Trong 84 kỳ, mỗi kỳ 01 tháng/kỳ, vào ngày 25 hàng tháng của tháng đến kỳ trả nợ gốc, số tiền trả nợ gốc/kỳ cụ thể như sau: Từ kỳ 01 đến kỳ 83 mỗi kỳ trả: 2.976.000 đồng; kỳ 84 trả: 2.992.000 đồng.

+ Trả nợ lãi: Được trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Số tiền lãi cuối cùng sẽ được trả vào ngày trả nợ gốc cuối cùng.

2. Hợp đồng hạn mức cho vay số 096/2019-CN/HĐTD/PVB-PGDTN ký ngày 26-3-2019 (viết tắt là hợp đồng số 096); số tiền vay: 150.000.000 đồng; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động; thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; lãi suất cho vay trong hạn: Áp dụng lãi suất 8,49%/năm trong 03 tháng đầu kể từ ngày 26-3-2019 đến ngày 25-6-2019; từ ngày 26-6-2019, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần, bằng LSCS +3,2%/năm (Lãi suất cơ sở hiện tại: là lãi suất tiền gửi “Tiết kiệm Đại Chúng”, kỳ hạn 13 tháng, lĩnh lãi cuối kỳ theo biểu lãi suất tiền gửi đối với khách hàng cá nhân của Ngân hàng niêm yết từng thời kỳ; lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn; phí, phí phạt: Theo thỏa thuận trong HĐTD và KUNN kèm theo.

Phương thức trả nợ: Kỳ hạn trả nợ gốc: Cuối kỳ hoặc trước hạn khi có nguồn thu từ hoạt động kinh doanh. Kỳ hạn trả nợ lãi: được trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng. Số tiền lãi của kỳ thanh toán cuối cùng sẽ được trả vào ngày trả nợ gốc cuối cùng. Ngày trả nợ lãi đầu tiên là ngày 25-4-2019.

Tài sản bảo đảm cho hợp đồng tín dụng: Toàn bộ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 90, tờ bản đồ số 4, diện tích 330 m² có địa chỉ: Kim Thái, VB, NB. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AM 281993 do UBND huyện VB, tỉnh NB cấp ngày 02/4/2008 cho bà Trần Thị Rốt để thừa kế cho anh Trần Văn T và vợ là chị Trần Thị P. Tài sản được thế chấp tại PVcombank theo hợp đồng thế chấp số công chứng 1591, quyền số: 01/2018TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28-5-2018 tại Văn phòng công chứng Ngọc Ban. Tài sản thế chấp trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

PVcombank đã thực hiện giải ngân cho anh T và chị Phụng tổng số tiền 400.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện các hợp đồng, anh T và chị Phụng đã trả được một phần nợ gốc/lãi cho PVcombank, số tiền khách hàng đã trả tạm tính đến ngày 16-9-2022 là:

Hợp đồng	Gốc (VND)	Lãi (VND)	Tổng (VND)
Số:194/2018 -CN/HĐTD/PVB- PGDTN ký ngày 28/5/2018	109,518,949	72,261,638	181,780,587
Số:096/2019 -CN/HĐTD/PVB- PGDTN ký ngày 26/3/2019	16,815,415	10,541,928	27,357,343

TỔNG	126,334,364	82,803,566	209,137,930
------	-------------	------------	-------------

Sau đó, anh T và chị Phụng vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên toàn bộ khoản vay chuyển thành nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn theo đúng thỏa thuận trong HĐTD, KUNN. PVcombank đã nhiều lần đôn đốc nhưng đến nay anh T và chị Phụng vẫn không thực hiện. Tính đến ngày 16-9-2022 còn nợ PVcombank cụ thể là:

* Hợp đồng số 194 nợ gốc 140,481,051 đồng; nợ lãi trong hạn 19,830,145 đồng; nợ lãi quá hạn: 6,662,379 đồng. Tổng là 166,973,575 đồng.

* Hợp đồng số 096 nợ gốc 133,184,585 đồng; nợ lãi trong hạn 1,103,671 đồng; nợ lãi quá hạn 45,460,227 đồng. Tổng là 179,748,483 đồng.

Tổng số tiền còn nợ theo 02 hợp đồng trên tính đến ngày 16-9-2022 nợ gốc là 273,665,663 đồng; nợ lãi trong hạn là 20,933,816 đồng; nợ lãi quá hạn là 52,122,606 đồng. Tổng cộng: 346,722,058 đồng.

Nay PVcombank đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

1. Buộc anh Trần Văn T và chị Trần Thị P phải trả cho PVcombank toàn bộ số tiền gốc, tiền lãi và các loại phí phát sinh theo HĐTD nêu trên, tính đến ngày 16-9-2022 nợ gốc: 273,665,663 đồng; nợ lãi trong hạn: 20,933,816 đồng; nợ lãi quá hạn: 52,122,606 đồng. Tổng 346,722,058 đồng.

2. Buộc anh Trần Văn T và chị Trần Thị P phải trả cho PVcombank các khoản nợ lãi, phí phát sinh với mức lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 17-9-2022 cho đến khi tất toán các khoản vay.

3. Trong trường hợp anh Trần Văn T và chị Trần Thị P không thanh toán được toàn bộ nghĩa vụ trả nợ, thì PVcombank có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản thế chấp là: Toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 90, tờ bản đồ số 4, diện tích: 330 m² có địa chỉ ở: Kim Thái, VB, NĐ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AM 281993 do UBND huyện VB, tỉnh NĐ cấp ngày 02/4/2008 cho bà Trần Thị Rót để thừa kế cho anh Trần Văn T và vợ là chị Trần Thị P đã được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện VB, tỉnh NĐ xác nhận ngày 7-4-2017.

4. Nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ của anh Trần Văn T và chị Trần Thị P tại PVcombank, thì PVcombank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản khác và nguồn thu nhập hợp pháp của anh Trần Văn T và chị Trần Thị P để thu hồi nghĩa vụ còn lại của anh Trần Văn T và chị Trần Thị P tại PVcombank.

Tại bản khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Trần Văn T trình bày:

Anh thừa nhận anh và chị Trần Thị P có vay tiền của PVcombank hai khoản theo 2 hợp đồng cho vay:

Hợp đồng cho vay số 194 số tiền vay: 250.000.000 đồng; mục đích vay: Vay tiêu dùng; thời hạn vay: 84 tháng kể từ ngày giải ngân; lãi suất cho vay trong hạn: Theo quy định trong hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ (KUNN); lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn; phí, phí phạt: theo thỏa thuận trong hợp đồng cho vay và KUNN kèm theo.

Hợp đồng hạn mức cho vay số 096 ký ngày 26-3-2019: Số tiền vay: 150.000.000 đồng; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động; thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; lãi suất cho vay trong hạn: Theo quy định trong hợp đồng cho vay và KUNN; lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn; phí, phí phạt: theo thỏa thuận trong hợp đồng cho vay và KUNN kèm theo.

Hiện nay anh thừa nhận anh và chị Phượng còn nợ tiền ngân hàng: Tổng số nợ gốc là 279.024.585đồng; trong đó tại khoản vay thứ nhất thì còn nợ gốc là 145.840.000đồng và tại khoản vay thứ hai thì còn nợ gốc là 133.184.585đồng. Tổng số nợ lãi là 71.531.855đồng; trong đó tại khoản vay thứ nhất thì còn nợ lãi là 28.045.409đồng và tại khoản vay thứ hai thì còn nợ lãi là 43.486.446đồng. Tổng nợ cả nợ gốc và nợ lãi của cả 2 khoản vay này là: 350.556.440đồng.

Anh chấp nhận về khoản nợ gốc và nợ lãi ở khoản vay thứ hai và khoản nợ gốc của khoản vay thứ nhất; anhg đề nghị xem xét lại nợ lãi của khoản vay thứ nhất, vì hàng tháng anh vẫn trả lãi, trả nợ gốc đầy đủ mà vẫn tính lãi cho anh đến hơn 28 triệu đồng.

Trong thời gian vay tiền của Ngân hàng có khoảng 5-6 tháng, vợ chồng anh không trả gốc, lãi vì Ngân hàng không tạo điều kiện cho anh đảo hạn, nên anh anh không muốn trả nợ nữa.

Phương thức trả nợ: Anh đề nghị Ngân hàng giảm một nửa tổng số nợ lãi 71.531.855đồng của cả hai khoản vay. Đề nghị Ngân hàng chia nhỏ phần nợ gốc, nợ lãi để hàng tháng anh trả dần gốc lãi trong thời hạn 5 năm.

Đối với chị Trần Thị P là bị đơn. Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa sơ thẩm đều vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho Tòa án.

Tại bản án dân sự số 08/2022/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện VB, tỉnh ND đã quyết định.

Căn cứ Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 323, Điều 357, Điều 463, Điều Điều 465, Điều 466 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố

tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam (PVcombank).

2. Buộc anh Trần Văn T và chị Trần Thị P phải thanh toán toàn bộ tiền nợ gốc, tiền nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam tính đến hết ngày 15-9-2022 theo hai hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

Hợp đồng số 194/2018-CN/HĐTD/PVB-PGDTN ký ngày 28-5-2018: Nợ gốc 140,481,051 đồng; nợ lãi trong hạn 19,830,145 đồng; nợ lãi quá hạn 6,662,379 đồng. Tổng cộng 166,973,575 đồng.

Hợp đồng số 096/2019-CN/HĐTD/PVB-PGDTN ký ngày 26-3-2019: Nợ gốc 133,184,585 đồng; nợ lãi trong hạn 1,103,671 đồng; nợ lãi quá hạn 45,460,227 đồng. Tổng cộng 179,748,483 đồng.

Tổng số tiền của cả hai hợp đồng là: 346,722,000 đồng; trong đó nợ gốc 273,665,663 đồng, nợ lãi trong hạn 20,933,816 đồng, nợ lãi quá hạn 52,122,606 đồng.

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

3. Trường hợp anh Trần Văn T và chị Trần Thị P không thanh toán được toàn bộ nghĩa vụ trả nợ, thì PVcombank có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản thế chấp là: Toàn bộ quyền sử dụng đất, các tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 90, tờ bản đồ số 4, diện tích 330 m² có địa chỉ ở: Kim Thái, VB, ND theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AM 281993 do UBND huyện VB, tỉnh ND cấp ngày 02-4-2008 cho bà Trần Thị Rốt để thừa kế cho anh Trần Văn T và vợ là chị Trần Thị P đã được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện VB, tỉnh ND xác nhận ngày 7-4-2017.

4. Nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ của anh Trần Văn T và chị Trần Thị P tại PVcombank, thì PVcombank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản khác và nguồn thu nhập hợp pháp của anh Trần Văn T và chị Trần Thị P để thu hồi nghĩa vụ còn lại của anh Trần Văn T và chị Trần Thị P tại PVcombank.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03 tháng 10 năm 2022 anh Trần Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm với lý do năm 2018 anh có vay của PVcombank 02 khoản vay, năm 2019 là đáo hạn hai khoản vay trên, anh vẫn trả nợ gốc, nợ lãi hàng tháng đầy đủ nhưng

khoản vay thứ 2 số tiền 150 triệu đồng đến khi đáo hạn lại không cho anh đáo hạn mà bắt anh phải trả số tiền 150 triệu đồng, anh xin gộp cả 02 khoản vay lại để trả gốc, lãi hàng tháng nhưng PVcombank không đồng ý mà còn khởi kiện anh ra Tòa; hai năm qua trong thời gian dịch bệnh Nhà nước còn giảm lãi cho người dân. Vì vậy, anh đề nghị xem xét lại cho anh.

Tại phiên tòa, anh T giữ nguyên đơn kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng số 194 và hợp đồng số 096.

PVcombank trình bày đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ND phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về đường lối giải quyết vụ án, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh T đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án sơ thẩm. Án phí giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét kháng cáo của anh Trần Văn T:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị P đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 296 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Phụng.

[2] Về nội dung: Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa anh T đều xác nhận đã ký 02 hợp đồng vay tiền của PVcombank. Căn cứ vào hợp đồng số 194 và hợp đồng số 096 được ký kết giữa PVcombank và anh T chị Phụng thể hiện anh T chị Phụng đã vay tiền của tiền PVcombank theo 02 hợp đồng nêu trên với tiền gốc theo hợp đồng số 194 là 250 triệu đồng và vay theo hợp đồng số 096 là 150 triệu đồng, lãi suất của mỗi khoản vay hai bên đã thỏa thuận tại mỗi hợp đồng vay và khế ước nhận nợ. Quá trình thực hiện hợp đồng anh T và chị Phụng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên PVcombank đã khởi kiện, bản án sơ thẩm đã buộc anh T chị Phụng phải có trách nhiệm thanh toán nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng số 194 trong đó nợ gốc 140,481,051 đồng; nợ lãi trong hạn 19,830,145 đồng; nợ lãi quá hạn 6,662,379 đồng. Tổng 166,973,575 đồng và có trách nhiệm thanh toán nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng số 096 trong đó nợ gốc 133,184,585 đồng; nợ lãi trong hạn 1,103,671 đồng; nợ lãi quá hạn 45,460,227 đồng. Tổng 179,748,483 đồng. Tổng số tiền của cả hai hợp đồng là: 346,722,000 đồng là có căn cứ phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Để bảo đảm cho hai khoản vay anh T chị Phượng và PVcombank ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 194/2018/CN/HĐBĐ/PVB-PGDTN ngày 28-5-2018. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, các tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 90, tờ bản đồ số 4, diện tích 330 m² có địa chỉ ở: Kim Thái, VB, ND theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AM 281993 cấp ngày 02-4-2008 cho bà Trần Thị Rót để thừa kế cho anh Trần Văn T và vợ là chị Trần Thị P đã được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện VB, tỉnh ND xác nhận ngày 7-4-2017. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng, tài sản bảo đảm thuộc quyền sử dụng, sở hữu của anh T, chị Phượng và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm do vậy, hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật. Trường hợp anh T chị Phượng không thanh toán nợ cho PVcombank thì PVcombank có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp khi bản án có hiệu lực là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Việc anh T cho rằng đến kỳ đảo nợ theo hai hợp đồng nhưng PVcombank không cho anh đảo nợ và anh muốn gộp hai khoản vay lại và trả gốc lãi hàng tháng nhưng ngân hàng không nhất trí. Tại phiên tòa PVcombank trình bày, PVcombank không quy định đảo nợ mà khách hàng vay phải tất toán khoản vay theo hợp đồng, sau đó khách hàng có nhu cầu vay tiền thì tiếp tục ký hợp đồng vay khác; do vậy, việc anh T cho rằng không được đảo nợ và yêu cầu gộp 02 khoản vay trả gốc lãi một lần không được chấp nhận. Đối với việc giảm lãi, PVcombank trình bày anh T phải có trách nhiệm thanh toán nợ sau đó có đơn đề nghị giảm lãi nộp cho PVcombank sẽ xem xét quyết định.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh T mà giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Anh T phải nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam (PVcombank).

2. Giữ nguyên bản án số 08/2022/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện VB, tỉnh ND

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh T phải nộp 300.000đồng nhưng được đối trừ với số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đồng tại biên lai số 0001505 ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện VB. Anh T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh ND;
- TAND huyện VB;
- Chi cục THADS huyện VB;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu